

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Công nghệ may
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Công nghệ may
Tên Tiếng Anh	: Garment Technology
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: C540204

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2291/QĐ – NTT, ngày 29.tháng 6...năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Có hiểu biết về các môn lý luận chính trị; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

Có kiến thức nền tảng về ngành công nghệ thời trang và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành công nghệ sản xuất hàng may mặc; biết tính toán, thiết kế chi tiết từng công đoạn trong quy trình công nghệ sản xuất như: Chuẩn bị sản xuất; triển khai sản xuất và công đoạn hoàn thành.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Đạt trình độ TOEIC 350 về tiếng Anh (hoặc tương đương); đạt chứng chỉ về các kỹ năng: giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, tư duy hiệu quả và sáng tạo.

1.2. Kỹ năng

Vận hành, lập kế hoạch bảo hành các thiết bị ngành may, sửa chữa những hư hỏng nhỏ của các loại máy và thiết bị thông dụng; Tạo rập, may mẫu, lập tài liệu kỹ thuật một số loại trang phục thông dụng; Tổ chức, triển khai và điều hành dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ; Giao tiếp và làm việc nhóm, làm việc độc lập. Phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn của ngành học.

1.3. Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Chuẩn bị sản xuất. Phòng Kỹ thuật: Tạo rập; may mẫu. Xưởng cắt. Điều hành dây chuyền sản xuất; theo dõi đơn hàng; quản lý chất lượng. Điều hành công đoạn hoàn thành.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 110 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm, với 9 kỳ, trong đó 8 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của bộ trưởng bộ GD & ĐT và Quy định 388/2014 của Hiệu trưởng trường ĐH Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

- | | |
|------------------|-------------------|
| A – (8,5 -> 10) | : GIỎI. |
| B – (7.0 -> 8,4) | : KHÁ |
| C – (5,5 -> 6,9) | : TRUNG BÌNH |
| D – (4.0 -> 5,4) | : TRUNG BÌNH YẾU. |

b. Loại không đạt:

- | | |
|----------------|--------|
| F – (dưới 4.0) | : KÉM. |
|----------------|--------|

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

- A tương ứng với 4.
- B tương ứng với 3.
- C tương ứng với 2.
- D tương ứng với 1.
- F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 28 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – nhân văn nghệ thuật: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
5	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
		Tổng	4	60	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
7	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
8	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
9	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
10	001760	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
		Tổng	2	0	60	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
12	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 82 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 13 tín chỉ

7.2.1.1. Kiến thức bắt buộc: 11 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	072360	An toàn lao động, môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	2	30	0	
14	072363	Thiết bị may	2	30	0	
15	072364	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	3	15	60	
16	072366	Nhân trắc học	2	30	0	
17	072367	Vật liệu may	2	30	0	
		Tổng	11	135	60	

7.2.1.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
18	072361	Mỹ thuật	2	15	30	
19	072362	Tâm lý học	2	30	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 53 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 49 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
20	072365	Kỹ thuật may các thành phần y phục	6	15	150	
21	072368	Công nghệ may 1	5	15	120	072365(a)
22	072369	Thiết kế rập 1	3	30	30	
23	072370	Tin học chuyên ngành 1	3	15	60	001760(a)
24	072371	Công nghệ may 2	6	15	150	072368(a)
25	072372	Công nghệ sản xuất hàng may mặc	3	30	30	
26	072373	Thiết kế rập 2	5	45	60	072369(a)
27	072374	Tin học chuyên ngành 2	3	30	30	072370(a)
28	072375	Công nghệ may 3	6	15	150	072371(a)
29	072378	Thiết kế mặt bằng xường	3	30	30	
30	072379	Thiết kế rập 3	3	30	30	072373(a)
31	072380	Tổ chức sản xuất	3	30	30	
		Tổng	49	300	870	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
32	072376	Kỹ năng điều chuyên	4	30	60	

33	072377	Quản lý chất lượng	4	30	60	
----	--------	--------------------	---	----	----	--

7.2.3. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 16 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
34	072381	Thực tập tốt nghiệp	11	0	330	
35	072383	Khóa luận tốt nghiệp	5	15	120	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
36	072382	Đồ án chuyên ngành công nghệ may	3	45	0	
37	072384	Thiết kế dây chuyền sản xuất	2	30	0	
38		Tổng	16	15	450	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (a): học phần trước; (b): học phần tiên quyết; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

ST T	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				10	135	30	
Học phần bắt buộc				10	135	30	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0201070010	5	75	0	
3	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201070018	2	30	0	
4	070022	Giáo dục quốc phòng	0201070022	8	90	30	
5	070023	Giáo dục thể chất	0201070023	5	15	90	
Học kỳ 2				10	105	90	
Học phần bắt buộc				10	105	90	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	001760	Tin học văn phòng 1	0201001760	2	0	60	
3	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201070002	3	45	0	070010(a)
4	070006	Kỹ năng giao tiếp	0201070006	2	30	0	
Học kỳ 3				14	150	120	
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	001795	TOEIC1	0201001795	3	30	30	000048(a)
2	070011	Pháp luật đại cương	0201070011	2	30	0	
3	072360	An toàn lao động, môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	0201072360	2	30	0	
4	072363	Thiết bị may	0201072363	2	30	0	
5	072364	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	0201072364	3	15	60	

Học phần tự chọn				2	15	30	
1	072361	Mỹ thuật	0201072361	2	15	30	
2	072362	Tâm lý học	0201072362	2	30	0	
Học kỳ 4				13	105	180	
Học phần bắt buộc				13	105	180	
1	001796	TOEIC2	0201001796	3	30	30	001795(a)
2	072365	Kỹ thuật may các thành phần y phục	0201072365	6	15	150	
3	072366	Nhân trắc học	0201072366	2	30	0	
4	072367	Vật liệu may	0201072367	2	30	0	
Học kỳ 5				11	60	210	
Học phần bắt buộc				11	60	210	
1	072368	Công nghệ may 1	0201072368	5	15	120	072365(a)
2	072369	Thiết kế rập 1	0201072369	3	30	30	
3	072370	Tin học chuyên ngành 1	0201072370	3	15	60	001760(a)
Học kỳ 6				17	120	270	
Học phần bắt buộc				17	120	270	
1	072371	Công nghệ may 2	0201072371	6	15	150	072368(a)
2	072372	Công nghệ sản xuất hàng may mặc	0201072372	3	30	30	
3	072373	Thiết kế rập 2	0201072373	5	45	60	072369(a)
4	072374	Tin học chuyên ngành 2	0201072374	3	30	30	072370(a)
Học kỳ 7				19	135	300	
Học phần bắt buộc				15	105	240	
1	072375	Công nghệ may 3	0201072375	6	15	150	072371(a)
2	072378	Thiết kế mặt bằng xưởng	0201072378	3	30	30	
3	072379	Thiết kế rập 3	0201072379	3	30	30	072373(a)
4	072380	Tổ chức sản xuất	0201072380	3	30	30	
Học phần tự chọn				4	30	60	
1	072376	Kỹ năng điều chuyên	0201072376	4	30	60	
2	072377	Quản lý chất lượng	0201072377	4	30	60	
Học kỳ 8				11	0	330	
Học phần bắt buộc				11	0	330	
1	072381	Thực tập tốt nghiệp	0201072381	11	0	330	
Học kỳ 9				5	15	120	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				5	15	120	
1	072382	Đồ án chuyên ngành công nghệ may	0201072382	3	45	0	
2	072383	Khóa luận tốt nghiệp	0201072383	5	15	120	
3	072384	Thiết kế dây chuyền sản xuất	0201072384	2	30	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương. Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin. Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 1 được giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng gồm 15 module của giáo trình New Cutting Edge Elementary từ bài 3 đến 12 kết hợp học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN) biên soạn. Nội dung chủ yếu ôn lại và củng cố cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản đồng thời phát triển các kỹ năng tiếng Anh để chuẩn bị cho các cấp lớp cao hơn sau này.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Cao đẳng gồm 10 bài của New Cutting Edge Pre-inter kết hợp học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh. Ngoài ra, các kỹ năng được củng cố và nâng cao trong phần học online do TTNN biên soạn.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường. Ngoài nội dung trong sách, SV được học online với nội dung do TTNN biên soạn giúp SV củng cố và hoàn thiện các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng trong bài thi TOEIC.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: củng cố, tiếp tục và nâng cao cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC do TTNN biên soạn học online nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

An toàn lao động, môi trường và sức khỏe nghề nghiệp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung:

Thiết bị may: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các loại móc thiết bị chuyên ngành sản xuất hàng may công nghiệp

Vẽ kỹ thuật chuyên ngành: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này bao gồm các kiến thức và kỹ năng xây dựng bản vẽ kỹ thuật, những quy định chung về ký hiệu và quy tắc trong bản vẽ thiết kế rập, bản vẽ kết cấu sản phẩm, bản vẽ mô tả mẫu nhằm hoàn thiện bộ các quy chuẩn trong ngôn ngữ kỹ thuật

Nhân trắc học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hình thể con người từ khi bắt đầu hình thành nhu cầu sử dụng trang phục. Các nguyên tắc thống kê số đo để có thể chuẩn hóa hệ thống cỡ số. Nghiên cứu sự vận động và phát triển hình thể qua từng giai đoạn, độ tuổi, giới tính để phục vụ trong ngành may mặc.

Vật liệu may: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Công cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm, lý tính, hóa tính, những nguyên tắc. Quy trình sản xuất xơ, sợi, vải và thành phẩm vải. Nguyên tắc bảo quản các loại, xơ, sợi, vải. Kỹ năng nhận biết một số loại vải thông dụng trên thị trường

Mỹ thuật: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức về màu sắc, nguyên tắc phối màu trong trang phục, ý nghĩa sử dụng của các loại màu sắc. Nguyên tắc trang trí cho trang phục

Tâm lý học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Là môn học cơ sở giúp cho sinh viên hiểu biết về tâm lý sinh hoạt, lao động và giao tiếp của từng đối tượng để phục vụ công tác quản lý nhân sự trong quan hệ sản xuất

Kỹ thuật may các thành phần y phục: 6 (15, 150, 105)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: là môn học phát triển kỹ năng may ráp các chi tiết của trang phục như: các chi tiết quần, áo, váy, đầm. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể làm việc như một công nhân may công đoạn trong dây chuyền sản xuất quần áo.

Công nghệ may 1: 5 (15, 120, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ thuật may các thành phần y phục)

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình sản xuất các loại váy và quần, cắt may hoàn thiện một số kiểu váy và quần thông dụng trên thị trường

Thiết kế rập 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: học phần này giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc thiết kế rập các kiểu váy và các kiểu quần thông dụng, tạo rập sản xuất một số kiểu váy, quần thông dụng trên thị trường.

Tin học chuyên ngành 1: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng để hỗ trợ thiết kế, vẽ mô tả mẫu, nhày size, giác sơ đồ.

Công nghệ may 2: 6 (15, 150, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Công nghệ may 1)

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình sản xuất các loại áo, cắt may hoàn thiện một số kiểu áo nam, nữ thông dụng trên thị trường, viết các tài liệu chuẩn bị sản xuất và hướng dẫn sản xuất một số kiểu áo thông dụng

Công nghệ sản xuất hàng may mặc: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức một cách tổng quát mô hình sản xuất hàng may mặc từ khâu thiết kế - chuẩn bị sản xuất – triển khai sản xuất – hoàn thành.

Thiết kế rập 2: 5 (45, 60, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thiết kế rập 1)

Nội dung: học phần này giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc thiết kế rập các kiểu áo nam, nữ thông dụng, tạo rập sản xuất một số kiểu áo nam nữ thông dụng trên thị trường. Viết các tài liệu thiết kế phục vụ khâu chuẩn bị sản xuất cho một số mẫu áo thông dụng trên thị trường

Tin học chuyên ngành 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học chuyên ngành 1)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng để phục vụ thiết kế, vẽ mô tả mẫu, nháy size, giác sơ đồ và tác nghiệp cắt tự động, phục vụ sản xuất hàng may mặc như Gerber, Lactra, Optitex

Công nghệ may 3: 6 (15, 150, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Công nghệ may 2)

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình sản xuất các loại áo đầm, jacket, veston nam nữ, cắt may hoàn thiện một số kiểu áo jacket thông dụng trên thị trường, viết các tài liệu chuẩn bị sản xuất và hướng dẫn sản xuất một số kiểu áo đầm, áo jacket và áo veston nam nữ thông dụng

Thiết kế mặt bằng xưởng: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức để có thể thiết kế sắp xếp bố trí một xưởng may phục vụ sản xuất hàng may mặc có quy mô vừa và nhỏ, các tiêu chuẩn về môi trường, không gian làm việc của từng vị trí làm việc. Tiêu chuẩn về ánh sáng, tiêu chuẩn về độ ẩm, bụi, tiếng ồn, ..., tiêu chuẩn về an toàn lao động, cháy nổ và sức khỏe nghề nghiệp.

Thiết kế rập 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thiết kế rập 2)

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc thiết kế rập các kiểu áo đầm, áo jacket, veston nam-nữ, tạo rập sản xuất một số kiểu áo đầm, áo jacket, veston nam-nữ thông dụng. Viết các tài liệu thiết kế phục vụ khâu chuẩn bị sản xuất cho một số mẫu áo jacket, veston nam-nữ thông dụng trên thị trường

Tổ chức sản xuất: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về công tác tổ chức, kiến thiết sản xuất một mã hàng mới đạt hiệu quả tối ưu, lập kế hoạch, kịch bản xử lý tình huống trong quá trình sản xuất.

Kỹ năng điều chuyên: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp những kỹ năng lập kế hoạch, triển khai, điều hành, phân công công việc cho từng vị trí công việc một cách hợp lý, kỹ năng kiểm tra giám sát từng vị trí công việc, xử lý tình huống trong quá trình sản xuất.

Quản lý chất lượng: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch, chiến lược năng cao chất lượng và bảo đảm ổn định chất lượng sản phẩm, phân tích nguyên nhân hư hỏng và những giải pháp khắc phục.

Đồ án chuyên ngành công nghệ may: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: đã học học phần thiết kế trang phục 1, 2, 3; Sản xuất trang phục 1, 2, 3; tổ chức sản xuất; Thiết kế mặt bằng xưởng; công nghệ sản xuất hàng may mặc

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, sàng lọc kiến thức và tư duy độc lập, khả năng làm việc nhóm để có thể thực hiện một đồ án sản xuất một mã hàng mới theo tiêu chuẩn thị trường

Thiết kế dây chuyền sản xuất: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: đã học học phần thiết kế trang phục 1, 2, 3; Sản xuất trang phục 1, 2, 3; tổ chức sản xuất; Thiết kế mặt bằng xưởng; công nghệ sản xuất hàng may mặc

Nội dung: Thiết kế dây chuyền sản xuất là công việc quan trọng của nhà quản lý và tổ chức sản xuất hàng may công nghiệp, học phần rèn luyện cho sinh viên biết tổng hợp những kiến thức đã học, những kinh nghiệm thực tiễn tại nhà máy và khả năng tìm kiếm thông tin để thiết kế dây chuyền sản xuất phù hợp với quy mô đơn hàng, phù hợp với tình hình, bối cảnh của đơn vị và tiến độ sản xuất mang lại hiệu quả cao tối ưu.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Lâm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

Hoàng Quốc Long

